Tên: ……..

Lớp: S7…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Từ vựng & Ngữ pháp HW: ……

Nghe HW: ……

GLOBAL ENGLISH 7

UNIT 8: IN THE NEWS – VOCABULARY 1 & PET LISTENING

A. THEORY

I. UNIT 8 VOCABULARY

- News

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**radio presenter** (n)	người dẫn chương trình phát thanh	5	**circulate** (v)	lưu hành, lan truyền
2	**advert = advertisement** (n)	quảng cáo	6	**issue** (v)	phát hành; ban hành
3	**reporter** (n)	phóng viên	7	**word of mouth** (n)	lời truyền miệng
4	**censor** (v)	kiểm duyệt			

- Laws

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**impose** (v)	áp đặt; ban hành (luật, thuế…)	3	**proposal** (n)	đề xuất
2	**curfew** (n)	lệnh giới nghiêm			

- Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**in brief** (adv)	tóm lại; nói ngắn gọn	4	**identical** (adj)	giống hệt; y hệt
2	**be carved in** (phr.)	được khắc vào	5	**miles apart** (adj/adv)	hoàn toàn khác biệt; cách xa nhau
3	**make reflection for** (phr.)	suy ngẫm về	6	**type something into** (phr.)	gõ (cái gì) vào (máy tính, điện thoại…)

II. USE OF ENGLISH: COMPLEX NOUN PHRASE

Loại	Định nghĩa	Ví dụ
Danh từ đơn (Simple noun)	Danh từ đứng một mình hoặc có mạo từ, không có thêm thông tin bổ sung.	**Researchers** looked at 91 schools.
Cụm danh từ phức (Complex noun phrase)	Danh từ được mở rộng bằng cách thêm tính từ, cụm giới từ hoặc mệnh đề quan hệ để bổ sung ý nghĩa.	**Researchers from the London School of Economics** looked at 91 schools.

- Cách tạo cụm danh từ phức:

Cách mở rộng	Ví dụ
Thêm tính từ	• **Danh từ đơn: A report** was published recently. • **Cụm danh từ phức: A recently published report** has caused schools to rethink their policy on phones.
Thêm cụm giới từ	• **Danh từ đơn: Researchers** looked at 91 schools. • **Cụm danh từ phức: Researchers from the London School of Economics** looked at 91 schools.
Mệnh đề quan hệ (đầy đủ + rút gọn)	• **Danh từ đơn**: **Their study** found that students' exam results improved by 6.4%. • **Cụm danh từ phức: Their study which lasted twelve years** found that students' exam results improved by 6.4%. / **Their study lasting twelve years** found that students' exam results improved by 6.4%.

LIVEWORKSHEETS

III. CAMBRIDGE VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**indoors** (adv)	ở trong nhà	4	**complain** (v)	phàn nàn
2	**renew** (v)	gia hạn	5	**appointment** (n)	cuộc hẹn
3	**membership** (n)	tư cách thành viên	6	**booked up** (phr.)	kín lịch

***Note:** *n = noun: danh từ;* *adj = adjective: tính từ;* *v = verb: động từ;* *phr. = phrase: cụm từ;* *adv = adverb: trạng từ.*

IV. METHOD

✅ **Step 1: Underline Keywords (Gạch chân từ khóa)**

Mục tiêu: Giúp não tập trung vào thông tin quan trọng trước khi nghe.

🔍 **Ví dụ:** You will hear **two friends** discussing **what to do in the afternoon**. What do they **agree to do**?

✓ **two friends** → có **2 người nói**

✓ **what to do in the afternoon** → chủ đề: **kế hoạch buổi chiều**

✓ **agree to do** → nghe xem **quyết định cuối cùng** là gì → chú ý câu chốt như: *"So…", "OK then…", "Let's…", "Yes, let's…"*

🔮 **Step 2: Answer Elimination (Loại trừ đáp án)**

Mục tiêu: Giúp học sinh **loại nhanh đáp án sai**, tránh bẫy nghe nhầm, **tăng độ chính xác khi làm bài nghe trắc nghiệm**.

🔍 **Cách làm cụ thể**

✓ **Không nghe để tìm đáp án đúng ngay** → Nghe để **loại đáp án sai trước**.

✓ **So sánh từng đáp án với nội dung nghe**, không so với câu hỏi.

🧠 **Các kiểu đáp án sai thường gặp**

1️⃣ **Đáp án được nhắc đến nhưng KHÔNG phải lựa chọn cuối**

- Thường là ý **được nói trước rồi bị phủ định / thay đổi**

📌 Ví dụ: "I wanted to take the train, **but in the end I drove**."

❌ Train → loại ✅ Car → chọn

2️⃣ **Đáp án đúng thông tin nhưng sai thời điểm**

- Nghe kỹ **thì / mốc thời gian**
- Hay nhầm **now / before / later / tomorrow / in the end**

📌 Từ khóa cần để ý: *at first, before, in the end, later, changed my mind*

3️⃣ **Đáp án dùng từ có sự tương đồng nhưng không trùng ý nghĩa hoàn toàn**

📌 Ví dụ: *cheap ≠ free; late ≠ miss*

4️⃣ **Đáp án đúng với người khác, không phải nhân vật chính**

- Nghe rõ **ai nói / ai làm**
- Tránh nhầm *he / she / they*

B. CLASSWORK

1. Pre-listening: Listen to the audio (questions 8-11) and complete the sentences with the exact words you hear.

Con làm bài nghe theo link/code sau:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/collins-pet-test-5-part-2

LIVEWORKSHEETS

1. The forecast says we're going to get _____.
2. I always find swimming pools get _____ and you get in each other's way.
3. I ordered one in brown and they sent me a _____ one.
4. The new one is the only _____ there at the moment.

2. Listening (6 questions):

Con làm bài nghe theo link/code sau:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/collins-pet-test-5-part-2

Part 2

34

Questions 8–13

For each question, choose the correct answer.

---

8 You will hear two friends discussing what to do in the afternoon.
What do they agree to do?

A Go shopping.
B Decide after the next weather report.
C Buy something in town.

9 You will hear two friends talking about keeping fit.
What does the man say about swimming?

A He doesn't think the woman should try it.
B It's the best form of exercise.
C The new swimming pool gets crowded.

10 You will hear a woman telling a friend about a handbag.
What does she say?

A It is damaged.
B It costs a lot to return it.
C The one she has now is the wrong colour.

11 You will hear two friends talking about a new doctor.
The woman thinks

A he's too young.
B he'll probably be busy.
C he doesn't listen to his patients.

12 You will hear two friends talking about a storm.
The man says

A the storm was worse in the north.
B the next storm is going to be even worse.
C the storm will last until the end of the week.

13 You will hear a woman telling a friend about her noisy neighbours.
What is the woman planning to do?

A Ask them to be quiet.
B Offer to have them for a meal.
C Get her husband to knock on their door.

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (20 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở phần III. Cambridge Vocabulary 1 dòng vào vở ghi.

II. Choose the correct answers.

1. The government decided to _____ a curfew after the protests became violent.
   A. brief B. circulate C. impose D. issue
2. The news spread quickly by _____, even before it appeared on television.
   A. advert B. word of mouth C. reporter D. proposal
3. The two paintings look almost _____, but one is actually a copy.
   A. identical B. miles apart C. carved in D. imposed
4. Before sending the email, she carefully _____ her password into the system.
   A. circulated B. imposed C. carved D. typed
5. In brief, the journalist explained that the newspaper would _____ a special edition the next day.
   A. circulate B. issue C. impose D. reflect

III. Match the word/phrase with its definition.

1. circulate	1-	a. a formal suggestion or plan put forward for consideration
2. proposal	2-	b. to remove or limit parts of a book, film, or news report that are considered inappropriate or sensitive
3. be carved in	3-	c. to spread or distribute information, news, or documents to many people
4. censor	4-	d. to be cut into a hard surface such as stone or wood
5. curfew	5-	e. an official order that requires people to stay indoors during certain hours

IV. For each question, choose the correct answer A, B, or C.

News and Laws

A. Emma

Emma is a radio presenter who hosts a popular morning programme. She often interviews reporters and discusses how news spreads quickly by word of mouth before it is officially issued. She believes that the public should always check reliable sources instead of trusting rumours.

B. Mr. Harris

Mr. Harris works for the local government. Last year, he helped impose a curfew during a period of unrest. He is now preparing a new proposal to improve public safety. He says the rules must be clearly carved in stone so that everyone understands them.

C. Daniel

Daniel is a journalist. He sometimes has to censor parts of his reports before they are circulated online. He once compared two news stories that looked identical at first but were actually miles apart in meaning. Every evening, he types his articles into the newspaper's online system.

Questions

1. Who talks about how information spreads informally? → ____
2. Who was involved in introducing an official restriction? → ____
3. Who sometimes removes certain parts of news reports? → ____

LIVEWORKSHEETS

4. Who mentions that two similar stories were actually very different? → ____
5. Who is working on a formal plan to improve a situation? → ____

V. Complete the sentences with the correct complex noun phrases.

1. The school organized an event. The event was about environmental protection.

→ The school organized _____ .

2. They visited a museum. The museum displayed ancient artifacts.

→ They visited _____ .

3. The teacher gave a lesson. The lesson was on world history.

→ The teacher gave _____ .

4. He attended a workshop. The workshop focused on creative writing.

→ He attended _____ .

5. The company launched a product. The product was designed for young consumers.

→ The company launched _____ .

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (12 questions)

Lưu ý:
1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

I. Extra Listening 1

Con làm bài nghe theo link/code sau:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/collins-pet-test-5-part-2

Listen to the audio from Classwork again and complete the notes below. Write ONE WORD ONLY for each answer.

1. The friends decide to check the weather _____ before making a plan.

2. The man thinks swimming is the best way to keep _____.

3. The woman says the _____ of the handbag is coming off.

4. The new doctor will get _____ up very quickly.

5. The storm affected the northern parts of the _____ most.

6. The woman is thinking of inviting her neighbours round for _____.

LIVEWORKSHEETS

II. Extra Listening 2

Con làm bài nghe theo link/code sau:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/collins-pet-test-5-part-2

Listen to the audio from Classwork again and decide if the statements are True or False.

1. The two friends decide to go shopping in the afternoon. → _____
2. The man believes swimming is better than going to the gym. → _____
3. The woman received the wrong colour handbag and decided to keep it. → _____
4. The new doctor is currently the only doctor at the clinic. → _____
5. The storm caused the most damage in the southern part of the country. → _____
6. The woman plans to complain to her neighbours immediately. → _____

LIVEWORKSHEETS